

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHỤNG HIỆP
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 86/2024/DS-ST

Ngày: 27 - 9 - 2024

V/v: “T/C HĐ cầm cố tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Hữu Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Tự
Ông Nguyễn Văn Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Cẩm Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2024, về tranh chấp hợp đồng dân sự cầm cố tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 113/2024/QĐST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần S Có Ngay

Địa chỉ: Số A N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An;

Đại diện theo pháp luật: KANOKWTPAISAL NAPAT, chức vụ: Giám đốc;

Đại diện theo ủy quyền: Phạm Thanh H, chức vụ: Nhân viên Công ty cổ phần S Có Ngay, chi nhánh Hậu Giang – V1

Địa chỉ: ấp 1, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

- Bị đơn: Dương Chó C, sinh năm 1986

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06 tháng 7 năm 2024, đại diện theo pháp luật của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 14 tháng 12 năm 2023, bị đơn là bà Dương Chó C có cầm cố cho Công ty cổ phần S Có Ngay, chi nhánh H1 – Vị Thủy 1 01 xe mô tô, nhãn hiệu: YAMAHA, loại: MXKING, biển số: 95E1-786.93, số khung:

MH3UG0750LK057678, số máy: G3E6E567126; số tiền cầm cố là 19.230.000 đồng. Thời hạn cầm cố, lãi suất và các khoản phí thỏa thuận như sau: Thời hạn cầm cố: 12 tháng; phí quản lý hồ sơ: 0,5%/tháng; lãi suất: 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất trong hạn; thanh toán nợ gốc và nợ lãi theo định kỳ hàng tháng, mỗi tháng 1.774.007 đồng, tính từ tháng 01 năm 2024 đến tháng 12 năm 2024. Sau khi cầm cố xe, bị đơn tiếp tục ký kết hợp đồng mượn lại xe với thời hạn là 30 ngày, thỏa thuận bị đơn phải trả các khoản phí mượn xe, cụ thể: Phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn là 961.500 đồng/tháng; phí thu hồi, xử lý tài sản cầm cố xe máy là 1.000.000 đồng.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bị đơn trả lại tài sản đã cầm cố là 01 xe mô tô, nhãn hiệu: YAMAHA, loại: MXKING, biển số: 95E1-786.93, số khung: MH3UG0750LK057678, số máy: G3E6E567126. Trường hợp bị đơn không trả lại tài sản cầm cố thì phải thanh toán cho nguyên đơn các khoản tổng cộng là 17.293.943 đồng, bao gồm: Nợ gốc là 13.907.250 đồng; nợ lãi trong hạn là 666.627 đồng; nợ lãi quá hạn là 302.693 đồng; phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe là 2.884.000 đồng; phí quản lý hồ sơ là 303.012 đồng; phí theo dõi hồ sơ là 200.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định: Từ lúc xác lập hợp đồng đến nay, bị đơn đã trả cho nguyên đơn các khoản gồm: Nợ gốc là 4.469.740 đồng, nợ lãi là 585.943 đồng, phí quản lý hồ sơ là 266.000 đồng. Hiện còn nợ gốc 14.760.259 đồng và nợ lãi phát sinh.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, về việc: Đòi bị đơn trả lại tài sản đã cầm cố và trả các khoản phí gồm: Phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe là 2.884.000 đồng; phí quản lý hồ sơ là 303.012 đồng; phí theo dõi hồ sơ là 200.000 đồng. Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đòi bị đơn trả nợ gốc còn lại và lãi suất phát sinh, cụ thể: Nợ gốc là 14.760.259 đồng, nợ lãi trong hạn là 714.954 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.031.144 đồng, tổng cộng là 16.506.357 đồng.

Bị đơn là bà Dương Chó C vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng dân sự cầm cố tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn là bà Dương Chó C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ là: 01 Hợp đồng cầm cố lập tháng 12 năm 2023; 01 Phụ lục hợp đồng cầm cố lập tháng 12 năm 2023; 01 Phiếu đăng ký cầm cố xe máy lập tháng 12 năm 2023; 01 Giấy mượn xe lập tháng 12 năm 2023, chứng minh nội dung thỏa thuận cầm cố tài sản và mượn tài sản như lời trình bày của nguyên đơn là có căn cứ. Ngược lại, phía bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không đưa ra ý kiến phản đối hay cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh ý kiến phản đối của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các khoản 1, 2 và 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành giải quyết vụ án trên cơ sở tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án, chấp nhận ý kiến và các chứng cứ, tài liệu nguyên đơn đã cung cấp.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xin rút một phần đơn khởi kiện đối với các yêu cầu: Đòi bị đơn trả lại tài sản cầm cố là 01 xe mô tô, nhãn hiệu: YAMAHA, loại: MXKING, biển số: 95E1-786.93, số khung: MH3UG0750LK057678, số máy: G3E6E567126, và các khoản gồm: Phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe là 2.884.000 đồng; phí quản lý hồ sơ là 303.012 đồng; phí theo dõi hồ sơ là 200.000 đồng. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của đại diện nguyên đơn là tự nguyện, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận và đình chỉ yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

[4.2] Hợp đồng cầm cố được xác lập ngày 14 tháng 12 năm 2023, cùng ngày các đương sự tiếp tục giao kết hợp đồng mượn tài sản, theo đó bị đơn mượn lại tài sản cầm cố với thời hạn là 30 ngày. Tuy nhiên, từ lúc xác lập hợp đồng cầm cố và hợp đồng mượn tài sản đến nay, bị đơn không trả lại tài sản cầm cố đã mượn và thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm chưa đầy đủ là đã vi phạm nghĩa vụ được bảo đảm. Do đó, nguyên đơn yêu cầu hủy bỏ hợp đồng do bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ và buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm là có căn cứ.

Xét hợp đồng cầm cố tài sản là việc một bên (bên cầm cố) giao tài sản thuộc quyền sở hữu của mình cho bên kia (bên nhận cầm cố) để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. Tuy các đương sự không xác lập hợp đồng vay tài sản, nhưng thực chất hợp đồng cầm cố giữa các đương sự được xác lập là nhằm bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của bị đơn đối với số tiền vay của nguyên đơn là 19.230.000 đồng được ghi nhận trong hợp đồng cầm cố. Các bên thỏa thuận lãi suất trong

hạn là 1,1%/ tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất trong hạn là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Theo hợp đồng, các bên thỏa thuận thời hạn trả nợ gốc và lãi theo định kỳ hàng tháng, mỗi tháng trả 1.774.007 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã trả nợ gốc với số tiền 4.469.740 đồng, trả nợ lãi với số tiền 585.943 đồng. Tuy khoản nợ chưa đến thời hạn tất toán, nhưng phía bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ theo hợp đồng là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ gốc còn lại là 14.760.259 đồng; trả nợ lãi trong hạn tính trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng là 1,1%/tháng, tương ứng với thời hạn vay đến hạn chưa trả là 714.954 đồng; trả nợ lãi quá hạn là 1,65%/tháng, tính trên số nợ gốc quá hạn chưa trả là 1.031.144 đồng là phù hợp với thỏa thuận của các đương sự và đúng pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí là 5% giá ngạch giá trị tài sản tranh chấp nguyên đơn yêu cầu được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 91, 92, 144, 147, 217, 218, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 309, 311, 314, 315, 424, 463, 466, 468 và 494 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty cổ phần S Có Ngay, về việc đòi bị đơn là bà Dương Chó C giao trả tài sản cầm cố là 01 xe mô tô, nhãn hiệu: YAMAHA, loại: MXKING, biển số: 95E1-786.93, số khung: MH3UG0750LK057678, số máy: G3E6E567126, và trả các khoản phí gồm: Phí bảo dưỡng và hao mòn khi mượn xe là 2.884.000 đồng; phí quản lý hồ sơ là 303.012 đồng; phí theo dõi hồ sơ là 200.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn. Buộc bị đơn là bà Dương Chó C có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là Công ty cổ phần S Có Ngay (do ông Phạm Thanh H đại diện) số tiền là 16.506.357 đồng (mười sáu triệu năm trăm lẻ sáu nghìn ba trăm năm mươi bảy đồng), trong đó: Nợ gốc là 14.760.259 đồng; nợ lãi trong hạn là 714.954 đồng; nợ lãi quá hạn là 1.031.144 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bà Dương Chó C phải chịu 825.300 đồng (tám trăm hai mươi lăm nghìn ba trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Công ty cổ phần S Có Ngay (do ông Phạm Thanh H đại diện) được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 432.000 đồng (bốn trăm ba mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007001 ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND H.Phụng Hiệp;
- Chi cục THADS H.Phụng Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Hữu Thắng